

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

ngày 05/3/2021

V/v xin ly hôn, nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Xa Văn Đăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Thủy

2. Bà Nguyễn Thị Thùy

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tùng Trúc - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Như Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020, về yêu cầu ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021, và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm yy. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lường Văn N, sinh năm yy. Vắng mặt không có lý do.

Cùng trú tại: xóm T, xã TL, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lường Văn H, sinh năm yy. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- Anh Lường Trung H, sinh năm yy. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Cùng trú tại: xóm T, xã TL, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đà Bắc do ông Nguyễn Đình Hoàng làm đại diện. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày như sau:

Chị Hà Thị T và anh Lương Văn N kết hôn với nhau từ khoảng năm 1989 - 1990, việc kết hôn do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Do chuyển nhà nhiều lần nên bị mất giấy chứng nhận kết hôn, nên không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn cho Tòa án, chị Hà Thị T đã đến Ủy ban nhân dân xã TL huyện Đà Bắc để xin cấp lại, nhưng không có tên anh chị trong sổ đăng ký kết hôn do xã TL quản lý.

Lý do chị T làm đơn xin ly hôn anh Ng là từ năm 2018, anh Ng đã chung sống với người phụ nữ khác và thường xuyên đi khỏi nơi cư trú. Hiện chị T và anh N không còn có tình cảm và sự quan tâm đến nhau, chị T đề nghị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị T và anh N có hai con chung là Lương Văn H, sinh năm yy và Lương Trung H, sinh năm yy. Hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị T chưa yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Hiện nay chị T và anh N còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Hòa Bình - Phòng giao dịch huyện Đà Bắc là 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng) chị T nhận tự nguyện trả số tiền gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng, số tiền này hiện nay chị T đang thực hiện nghĩa vụ trả theo hộ vay vốn với ngân hàng, chưa đến kỳ trả nợ gốc theo hợp đồng.

Ý kiến phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được cấp, tổng đạt, niêm yết theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp. Do đó, áp dụng Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị: Không công nhận chị Hà Thị T và anh Lương Văn N là vợ chồng.

Về nợ chung: Ghi nhận ý kiến trả nợ của Nguyên đơn có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng và khi Ngân hàng có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho anh Lương Văn N tại nhà anh Lương Văn N và người nhận là chị Hà Thị T (vợ anh Ngường) chị T đã cam đoan sẽ giao tận tay cho anh Lương Văn N, nhưng không tổng đạt được thông báo thụ lý vụ án dân sự cho anh N vì anh N không về và không rõ địa chỉ nơi cư trú mới anh N; Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho anh Lương Văn N tại nhà ông trưởng xóm Tràng, xã Tú Lý, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình và người nhận là ông Nguyễn Văn K (trưởng xóm T) ông Nguyễn Văn K đã cam đoan sẽ giao tận tay cho anh Lương Văn N, nhưng không tổng đạt được thông báo thụ lý vụ án cho anh N vì không rõ thời điểm anh N về và không rõ địa chỉ nơi cư trú mới anh N, đã có biên bản không tổng đạt được văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N của chị T và ông Nguyễn Văn K (trưởng xóm T) Tòa án đã tiến hành xác minh về hộ khẩu anh N tại xã TL, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình ngày 08/10/2020, cho thấy: Anh N có hộ khẩu tại xã TL, huyện Đà Bắc không làm các thủ tục tách, chuyển khẩu. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Lương Văn N vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc đã ra quyết định xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/01/2021. Anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, không có lý do. Tòa án đã phải hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa lần thứ hai, anh Lương Văn N vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa anh Lương Văn H và anh Lương Trung H và đại diện Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đà Bắc là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy sự vắng mặt của anh H, anh H và đại diện Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên Tòa hôm nay chị Hà Thị T đều khẳng định là chị và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình vào khoảng năm 1989, 1990 việc kết hôn do hai bên tự nguyện, nhưng do việc chuyển nhà nên bị mất giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tại phiên Tòa hôm nay chị T cũng không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh được là chị T và anh N có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T L, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình nơi chị T khai là nơi đăng ký kết hôn. Tại biên bản xác minh ngày 26/10/2020, cho thấy từ năm 1987 và sau năm 1990 trong hồ sơ, sổ đăng ký kết hôn do UBND xã TL quản lý không có tên đăng ký kết hôn của chị Hà Thị T và anh Lương Văn N. Như vậy, không có căn cứ để chứng minh chị Thơm và anh N có quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định

của pháp luật. Chị T và anh N sống chung với nhau như vợ chồng và có hai con chung đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị Hà Thị T và anh Lương Văn N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có hai con chung là Lương Văn H, sinh năm yy và Lương Trung H sinh năm yy, hai con chung đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Thơm chưa yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc trả số tiền nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình số tiền gốc là 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh. Việc tự nguyện của chị T được đại diện Phòng giao dịch NHCSXH huyện Đà Bắc, anh Lương Văn H và anh Lương Trung H đồng ý, được ghi nhận trong bản tự khai của anh H, anh H và đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Đà Bắc. Hiện nay chị T đang thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, chưa phát sinh tranh chấp, sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Tuyên bố: Không công nhận chị Hà Thị T và anh Lương Văn N là vợ chồng.

2. Về nợ Chung: Ghi nhận sự tự nguyện trả nợ của chị Hà Thị T cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình tiền gốc 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo quy định. Khi có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung của chị Hà Thị T và anh Lương Văn N đối với Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đà Bắc trong vụ án này.

3. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm

ứng án phí do chị Hà Thị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình theo biên lai số 0003361 ngày 02/10/2020.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Đà Bắc;
- Chi cục THADS huyện Đà Bắc;
- Các đương sự;
- UBND xã TL;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Xa Văn Đặng